

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN LÃNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 07-9-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Xuyên;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Đức Bình,
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Nết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Anh T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Th và anh Đỗ Anh T kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 10/4/20xx. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên say rượu, đập phá đồ đạc trong gia đình nên vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi nhau. Từ tháng 11 năm

2021, anh T nghỉ làm công ty, không chịu đi làm, nếu có đi làm thì cũng một hai ngày lại nghỉ, tất cả kinh tế trong gia đình đều do chị Th gánh vác. Chị Th đã động viên anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà còn gây sự đánh chửi vợ con nên tháng 4 năm 2022, chị Th đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Kể từ khi ly thân, anh T có tìm gặp, động viên chị Th quay về nhưng do anh T không thay đổi nên chị Th không đồng ý trở về đoàn tụ; anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị Th yêu cầu ly hôn anh T. Anh chị có 02 con chung là Đỗ Trần Thủy T, sinh ngày 29/12/20xx và Đỗ Hoàng Q, sinh ngày 14/01/20xx. Khi ly hôn, chị Th đề nghị Toà án giao con cả 02 con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng vì anh T không đi làm, không có kinh tế để nuôi con; ngoài ra, anh T không cho chị Th liên lạc, thăm gặp các con, chị Th gửi đồ và tiền chu cấp cho các con, anh T đều không nhận. Việc cấp dưỡng cho con, chị tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Đỗ Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Những nội dung chị Th trình bày về thời gian, địa điểm kết hôn giữa anh và chị Thúy là đúng. Quá trình chung sống, anh chị sống hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thời điểm đầu năm 2022, địa bàn huyện bùng phát dịch COVID-19, anh làm công nhân tại công ty Vinfast, thường xuyên phải đi làm bằng xe buýt đưa đón công nhân, tập trung đông người nên sợ bị nhiễm COVID, ảnh hưởng đến sức khoẻ của vợ con, anh đã nghỉ làm để tìm công việc khác phù hợp hơn nhưng chị Th không vừa ý, thường tỏ thái độ, than vãn về việc anh nghỉ làm nên vợ chồng ít nói chuyện, tình cảm lạnh nhạt dần. Tháng 4 năm 2022, chị Th tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và nói rằng khi nào anh T có việc làm thì chị Th quay về. Tuy nhiên, sau đó, anh T đã tìm được việc và đi làm nhưng chị Th không quay về mặc dù anh thường xuyên đến nhà, tìm gặp, động viên. Nay chị Th yêu cầu ly hôn, vì anh vẫn còn tình cảm với chị Th, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, các con có đủ bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn. Anh chị có 02 con chung như chị Th trình bày. Kể từ khi ly thân, các con do anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th ít quan tâm đến con, anh hiện đã đi làm có thu nhập ổn định để trực tiếp nuôi con. Hơn nữa, mẹ đẻ anh còn trẻ, khoẻ, có thể hỗ trợ anh chăm sóc các con trong khi mẹ chị Th bị tàn tật, đi lại khó khăn, không có điều kiện hỗ trợ chị Th chăm sóc các con. Trường hợp phải ly hôn, anh T nhận trực tiếp nuôi cả 02 con; việc cấp dưỡng cho con, anh tự thỏa thuận với chị Th, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ; mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ

tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/20xx/UBTVQH14 ngày 30/12/20xx của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Đỗ Anh T; giao con Đỗ Trần Thuỳ T, sinh ngày 29/12/20xx cho chị Th trực tiếp nuôi; giao con Đỗ Hoàng Q, sinh ngày 14/01/20xx cho anh T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung: Do anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Đỗ Anh T là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn S, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn (chị Th), bị đơn (anh T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Th, anh T.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Đỗ Anh T được xác lập từ ngày 10/4/20xx là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên say rượu, đập phá đồ đạc trong gia đình; từ tháng 11 năm 2021, anh T nghỉ làm công ty, không chịu đi làm, tất cả kinh tế trong gia đình đều do chị Th gánh vác. Chị Th đã động viên anh T nhiều lần nhưng anh T không chịu thay đổi nên chị Th đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 4 năm 2022; anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh T đã nhiều lần tìm gặp động viên chị Th quay về đoàn tụ nhưng chị Th không đồng ý.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị Th được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Trần Thuỳ T, sinh ngày 29/12/20xx và Đỗ Hoàng Q, sinh ngày 14/01/20xx. Khi ly hôn, chị Th và anh T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 02 con. Xét thấy, anh T và chị Th đều có công việc, thu nhập ổn định; anh T có sự hỗ trợ từ mẹ trong việc chăm sóc con nên anh chị đều có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Xét thấy các bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con; cháu T trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ; để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th: Giao con Đỗ Trần Thuỳ T cho chị Th trực tiếp nuôi; giao con Đỗ Hoàng Q cho anh T trực tiếp nuôi. Về việc cấp dưỡng cho con: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/20xx/UBTVQH14 ngày 30/12/20xx của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/20xx/UBTVQH14 ngày 30/12/20xx của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Đỗ Anh T.

2. Về con chung: Giao con Đỗ Trần Thuỳ T, sinh ngày 29/12/20xx cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi; giao con Đỗ Hoàng Q, sinh ngày 14/01/20xx cho anh Đỗ Anh T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006317 ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị Th, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 20xx);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Xuyên**

